TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN CHÂU
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02 /2017/ ST- HNGĐ
Ngày 22 / 11 /2017
Về việc: *"Tranh chấp về nuôi con, chia tài sản của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn "*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN CHÂU, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Bình

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Bá Sửu;

2. Bà Lò Thị Thúy.

-Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Hoàng Văn Dũng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Châu tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thanh Loan, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Châu mở phiên tòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 54/2017/TLST-HNGĐ, ngày 12/7/2017 về việc "Tranh chấp về nuôi con, chia tài sản của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2017/QĐXXST- HNGĐ, ngày 27/10/2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị Q, sinh năm 1984; Địa chỉ Bản K, xã P, huyện Y, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Trần Văn V, sinh năm 1980; Địa chỉ Bản K, xã P, huyện Y, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện (Đơn xin ly hôn) và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Bùi Thị Q trình bày:

Chị Bùi Thị Q và anh Trần Văn V chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống giữa chị Q và anh V thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp,

bất đồng về quan điểm sống, sau khi xảy ra mâu thuẫn đã được anh em hai bên gia đình khuyên giải, nhưng mâu thuẫn ngày càng căng thẳng, chị Q và anh V đã sống mỗi người một nơi từ năm 2015 cho đến nay, không còn quan hệ đi lại với nhau nữa. Nay chị Q yêu cầu được ly hôn anh V.

Về con chung: Chị Q và anh V có 2 con chung là Trần Diệu T, sinh ngày 01/11/ 2001 và Trần Duy H, sinh ngày 13/4/2004, khi ly hôn tùy theo các cháu ở với ai là do các cháu quyết định, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Q và anh V tự nguyện thỏa thuận chia cụ thể như sau: Chị Q sử dụng nhà gỗ 4 gian thưng ván lợp tôn nằm ở ngã ba bản K, xã P, huyện Y, đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Bùi Thị Q; Anh V nhận sử dụng ngôi nhà 4 gian xây luồn tường lập Proxi măng, nhà bếp, công trình phụ, hệ thống chuồng trại chăn nuôi thuộc bản K, xã P, huyện Y, tỉnh Sơn La, đất này có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Trần Văn V.

Ngoài ra chị Q không yêu cầu chia tài sản gì khác.

Về nợ chung: Chị Q nhận trả toàn bộ số nợ chung, chị không yêu cầu anh V cùng trả và không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn Anh Trần Văn V xác nhận lời khai trên và trình bày thêm như sau:

Chị Q khai hai bên sống với nhau không có giấy đăng ký kết hôn. Về thời gian chung sống, thời gian sống ly thân, về con chung và tài sản chung của chị Q và anh V là đúng. Nay chị Q có đơn yêu cầu ly hôn, anh V cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh V nhận nuôi cả 2 cháu, không yêu cầu chị Q phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Hai bên đã thỏa thuận chia như chị Q đã trình bày trên, hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh V nhất trí giao cho chị Q trả toàn bộ nợ chung, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Q giữ nguyên yêu cầu ly hôn, anh V cũng đồng ý ly hôn, chị Q và anh V thỏa thuận để cho anh V được nuôi 2 con chung và theo ý kiến nguyện vọng của hai con, anh V không yêu cầu chị Q phải cấp dưỡng nuôi con, Hai bên nhất trí với việc thỏa thuận chia tài sản như đã nói trên và nợ chung chị Bùi Thị Q nhận trả, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa:

-Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng; Thẩm phán đã thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định về thẩm quyền, thời hạn, trình tự, thủ tục tố tụng; phiên tòa được mở đúng thời hạn, Hội đồng xét xử thực sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thư ký phiên tòa thực hiện nhiệm vụ đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ đúng

các quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên bị đơn anh Trần Văn V chấp hành không đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự, đã nhiều lần vắng mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Tại phiên tòa anh V hai lần vắng mặt, làm ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết vụ án tại Tòa án.

-Về đường lối giải quyết vụ án:

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 16, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Tuyên bố không công nhận chị Q và anh V là vợ chồng, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, các đương sự yêu cầu ghi nhận việc phân chia tài sản và việc trả nợ chung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc chị Q phải chịu án phí sơ thẩm dân sự 300.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Yêu cầu của chị Bùi Thị Q về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, phân chia tài sản và nợ chung thuộc thẩm quyền của Tòa án, theo quy định tại khoản 7 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Tại phiên tòa anh Trần Văn V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng cố tình vắng mặt, Tòa án đã hoãn phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 14/11/2017 và ấn định ngày xét xử ngày 22/11/2017 đã tống đạt hợp lệ cho anh V nhưng anh V không có mặt tại phiên tòa vì anh V cho rằng anh đã nhất trí thỏa thuận giải quyết việc ly hôn với chị Q theo như trong biên bản thỏa thuận ngày 20/10/2017. Vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh V theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

-Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Q và anh Trần Văn V chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét thấy yêu cầu của chị Q về việc ly hôn anh Trần Văn V phù hợp với quy định của pháp luật. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì " Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này, chung sống với nhau nư vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng..." Trước tòa chị Q yêu cầu được ly hôn, anh Trần Văn V cũng nhất trí với đề nghị trên, yêu cầu trên là phù hợp với quy định của pháp luật. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở chấp nhận. Vậy cần

tuyên bố chị Bùi Thị Q và anh Trần Văn V không phải là vợ chồng và giải quyết về con chung, tài sản chung theo quy định tại Điều 15, Điều 16 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

-*Về con chung:* Có 02 cháu, cháu đầu là Trần Diệu T, sinh ngày 01/11/ 2001 và Trần Duy H, sinh ngày 13/4/2004, hiện nay các cháu đang ở với bố. Hai bên tự nguyện thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn là giao cả hai cháu cho anh Trần Văn V nuôi dưỡng, chị Q không phải cấp dưỡng nuôi con. Sự thỏa thuận trên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với nguyện vọng của các con nên cần công nhận sự thỏa thuận trên.

-*Về tài sản chung:* Chị Q và anh V tự nguyện thỏa thuận chia tài sản theo biên bản thỏa thuận ngày 20 tháng 10 năm 2017 cụ thể như sau: Chị Q sử dụng nhà gỗ 4 gian thưng ván lợp tôn nằm trên diện tích đất ở ngã ba bản K, xã P, huyện Y, đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Bùi Thị Q; Anh V nhận sử dụng ngôi nhà 4 gian xây luồn tường lập Proxi măng, nhà bếp, công trình phụ, hệ thống chuồng trại chăn nuôi thuộc bản K, xã P, huyện Y, tỉnh Sơn La, đất này có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Trần Văn V. Hai bên tự thỏa thuận giải quyết với nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết, hai bên đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận trên. Vậy cần ghi nhận sự thỏa thuận chia tài sản trên của chị Bùi Thị Q và anh Trần Văn V.

-*Về nợ chung:* Chị Bùi Thị Q nhận trả toàn bộ số nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 16, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lê phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Bùi Thị Q và anh Trần VănV là vợ chồng.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận về nuôi con chung giữa chị Bùi Thị Q và anh Trần Văn V. Anh Trần Văn V được trực tiếp nuôi cháu Trần Diệu T, sinh ngày 01/11/ 2001 và Trần Duy H, sinh ngày 13/4/2004 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị Bùi Thị Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh V.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3.Về tài sản chung: Ghi nhận sự thỏa thuận chia tài sản chung giữa chị Bùi Thị Q và anh Trần Văn V như sau:

-Chị Bùi Thị Q nhận sử dụng nhà gỗ 4 gian thưng ván, lợp tôn nằm ở ngã ba bản K, xã P, huyện Y, đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Bùi Thị Q;

-Anh Trần Văn V nhận sử dụng ngôi nhà 4 gian xây luồn tường, lợp Proxi măng, nhà bếp, công trình phụ, hệ thống chuồng trại chăn nuôi thuộc bản K, xã P, huyện Y, tỉnh Sơn La, đất này có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Trần Văn V.

4. Về nợ chung: Ghi nhận việc chị Bùi Thị Q nhận trả toàn bộ số nợ chung nếu có, anh Trần Văn V không phải trả nợ chung.

5. Về án phí: Chị Bùi Thị Q phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2013/ 04038 ngày 12/7/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án chị Bùi Thị Q được quyền kháng cáo lên Tòa án tỉnh Sơn La. Đối với anh Trần Văn V được quyền kháng cáo lên Tòa án tỉnh Sơn La trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-Tòa án tỉnh;
-Viện kiểm sát 2 cấp;
-Các đương sự;
-Chi cục thi hành án dân sự;
-UBND xã Phiêng Khoài;
-Lưu hồ sơ;
-Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Văn Bình